

DANH SÁCH HỌC PHÍ - HK2/2019-2020
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CHẤT LƯỢNG CAO - KHÓA 19

STT	MSSV	HỌ VÀ TÊN	HP HK 2	HPHL	TỔNG HP HK2	GIẢM 7%	TỔNG HP SAU KHI GIẢM	HP HK 1 CÒN DƯ SAU KHI TẠM ĐỒNG 15 TRIỆU	TỔNG HP HK 2 CÒN LẠI
1	19127005	Trần Phan Thanh Hải	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
2	19127009	Lữ Thế Vỹ	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
3	19127010	Nguyễn Minh An	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
4	19127011	Nguyễn Quốc Bảo	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
5	19127012	Vũ Nguyễn Thái Bình	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
6	19127014	Đàm Hải Đăng	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
7	19127015	Huỳnh Tuấn Đạt	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
8	19127017	Trương Gia Đạt	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
9	19127021	Hồ Anh Dũng	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
10	19127027	Võ Hoàng Bảo Duy	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
11	19127029	Nguyễn Tiên Hùng	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
12	19127033	Trịnh Anh Khoa	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
13	19127034	Đoàn Ngọc Như Khôi	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
14	19127037	Võ Bách Khôi	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
15	19127038	Phạm Trọng Vinh Khuê	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
16	19127039	Trần Hoàng Kim	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
17	19127040	Trần Ngọc Lam	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
18	19127041	Lê Thị Phương Linh	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
19	19127044	Đặng Lê Minh	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
20	19127048	Nguyễn Đức Nam	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
21	19127049	Đoàn Hương Ngân	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
22	19127051	Lưu Thị Hồng Ngọc	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
23	19127054	Thái Duy Nguyễn	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
24	19127055	Lê Vũ Minh Nhật	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
25	19127057	Trần Vĩnh Phát	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
26	19127059	Lê Hoàng Phúc	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
27	19127064	Lê Minh Sĩ	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
28	19127065	Lê Nguyễn Hồng Sơn	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
29	19127067	Hoàng Như Thanh	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
30	19127072	Nguyễn Năng Tiến	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
31	19127074	Nguyễn Ngọc Uyên Trang	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
32	19127078	Nguyễn Đỗ Thanh Trúc	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
33	19127080	Nguyễn Thành Trung	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
34	19127081	Trần Đại Hoàng Trung	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
35	19127082	Nguyễn Tất Trường	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
36	19127083	Nguyễn Hữu Tuấn	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
37	19127084	Phạm Anh Tuấn	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
38	19127088	Nguyễn Phương Vy	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
39	19127093	Trần Phan Phước An	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
40	19127094	Phạm Ngọc Thiên Ân	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
41	19127095	Ngô Huy Anh	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
42	19127097	Nguyễn Ngọc Phương Anh	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
43	19127098	Phạm Ngọc Anh	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
44	19127100	Lê Trần Gia Bảo	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
45	19127102	Võ Hoàng Gia Bảo	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
46	19127103	Nguyễn Thái Bình	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
47	19127104	Nguyễn Văn Bình	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
48	19127107	Nguyễn Thu Thảo Châu	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
49	19127108	Ngô Phú Chiến	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
50	19127109	Bùi Ngọc Chính	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
51	19127114	Phạm Thành Đăng	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
52	19127118	Tạ Công Điền	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
53	19127120	Ngô Nhật Du	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
54	19127121	Hoàng Minh Đức	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
55	19127122	Lâm Trí Đức	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
56	19127124	Nguyễn Hoàng Đức	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
57	19127125	Lê Duy Dũng	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
58	19127126	Nguyễn Văn Hùng Dũng	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000

59	19127127	Triều Minh Dũng	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
60	19127131	Phạm Anh Duy	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
61	19127132	Trần Quang Duy	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
62	19127134	Nguyễn Gia Hân	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
63	19127135	Phạm Bảo Hân	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
64	19127141	Phan Minh Hiếu	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
65	19127142	Trần Thái Đức Hiếu	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
66	19127144	Nguyễn Thành Hiệu	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
67	19127146	Lê Nguyễn Huy Hoàng	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
68	19127149	Trần Việt Hoàng	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
69	19127150	Nguyễn Hứa Hùng	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
70	19127154	Nguyễn Thế Hưng	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
71	19127155	Vũ Việt Hưng	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
72	19127157	Lê Minh Huy	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
73	19127161	Nguyễn Quang Huy	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
74	19127165	Võ Gia Huy	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
75	19127166	Huỳnh Tuấn Kha	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
76	19127172	Nguyễn Duy Khang	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
77	19127173	Hoàng Lê Khanh	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
78	19127177	Nguyễn Đăng Khoa	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
79	19127181	Bạch Minh Khôi	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
80	19127183	Dương Minh Khôi	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
81	19127186	Lê Thành Khôi	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
82	19127189	Hồ Lâm Bảo Khuyên	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
83	19127191	Ngô Văn Anh Kiệt	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
84	19127196	Trương Hoàng Lâm	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
85	19127200	Hoàng Duy Thành Long	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
86	19127201	Lê Quang Tấn Long	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
87	19127203	Nguyễn Cao Thiên Long	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
88	19127204	Nguyễn Lương Minh Long	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
89	19127206	Trịnh Quốc Huy Long	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
90	19127207	Võ Phan Bá Luân	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
91	19127208	Lê Kỳ Lương	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
92	19127213	Trần Hoàng Minh	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
93	19127214	Trần Hồng Minh	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
94	19127216	Đặng Hoàn Mỹ	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
95	19127218	Võ Hoàng Nam	9,900,000	3,600,000	13,500,000	945,000	12,555,000	5,100,000	7,455,000
96	19127219	Nguyễn Kim Thị Tô Nga	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
97	19127222	Nguyễn Hiếu Nghĩa	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
98	19127226	Hoàng Văn Nguyên	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
99	19127230	Nguyễn Trí Nhân	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
100	19127237	Trương Minh Nhựt	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
101	19127242	Đỗ Vương Phúc	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
102	19127245	Trần Thiên Phúc	9,900,000	3,600,000	13,500,000	945,000	12,555,000	5,100,000	7,455,000
103	19127246	Trần Văn Quý Phước	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
104	19127250	Phạm Hồng Quân	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
105	19127251	Trần Anh Quân	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
106	19127257	Phạm Nhật Quang	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
107	19127263	Nguyễn Hoàng Sơn	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
108	19127264	Nguyễn Ngọc Phú Sỹ	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
109	19127265	Nguyễn Tấn Tài	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
110	19127268	Nguyễn Ngọc Thanh Tâm	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
111	19127272	Huỳnh Huy Tân	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
112	19127273	Huỳnh Thị Mỹ Thanh	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
113	19127276	Nguyễn Đăng Thi	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
114	19127277	Võ Xuân Thiên	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
115	19127279	Dương Quốc Thiện	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
116	19127281	Trần Minh Thiện	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
117	19127287	Nguyễn Hoài Thương	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
118	19127292	Nguyễn Thanh Tinh	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
119	19127293	Lê Bá Khánh Toàn	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
120	19127294	Nguyễn Trần Thiện Toàn	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
121	19127295	Trần Thế Toàn	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
122	19127301	Trương Minh Trí	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
123	19127302	Phạm Đoàn Ngọc Trinh	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
124	19127303	Hình Ích Trình	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
125	19127304	Trần Khải Trúc	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
126	19127305	Nguyễn Quốc Trung	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
127	19127309	Phan Mạnh Trường	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000

128	19127311	Trần Thanh Tùng	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
129	19127312	Ngô Nguyễn Kiệt Tường	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
130	19127317	Nguyễn Mạnh Vũ	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
131	19127321	Trần Xuân Sơn	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
132	19127322	Nguyễn Trung Tín	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
133	19127323	Phan Việt Thắng	9,900,000	3,600,000	13,500,000	945,000	12,555,000	5,100,000	7,455,000
134	19127324	Đào Duy An	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
135	19127325	Nguyễn Hữu Hoàng An	9,900,000	3,600,000	13,500,000	945,000	12,555,000	5,100,000	7,455,000
136	19127326	Vương Thành An	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
137	19127327	Lê Hoàng Thiên Ân	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
138	19127328	Đỗ Quốc Anh	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
139	19127329	Lê Hoàng Anh	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
140	19127330	Lê Tâm Anh	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
141	19127331	Mai Hoàng Anh	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
142	19127332	Nguyễn Nam Anh	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
143	19127333	Nguyễn Trung Anh	9,900,000	3,600,000	13,500,000	945,000	12,555,000	5,100,000	7,455,000
144	19127334	Trần Đông Ba	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
145	19127336	La Gia Bảo	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
146	19127337	Lê Thái Phúc Bảo	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
147	19127338	Nguyễn Huỳnh Thê Bảo	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
148	19127339	Phạm Chi Bảo	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
149	19127340	Trần Lê Quốc Bảo	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
150	19127341	Vương Hoàng Bảo	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
151	19127342	Phạm Nguyễn Thanh Bình	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
152	19127343	Nguyễn Hoàng Bửu	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
153	19127344	Huỳnh Lợi Chuẩn	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
154	19127345	Lâm Quốc Cường	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
155	19127346	Nguyễn Nhật Cường	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
156	19127347	Kiều Hải Đăng	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
157	19127348	Bùi Công Danh	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
158	19127349	Phan Công Hữu Danh	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
159	19127350	Đặng Huỳnh Dao	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
160	19127352	Hồ Vạn Đạt	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
161	19127353	Lê Tân Đạt	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
162	19127354	Lê Thành Đạt	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
163	19127355	Nguyễn Đức Đạt	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
164	19127356	Nguyễn Tiến Đạt	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
165	19127358	Nguyễn Trọng Đạt	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
166	19127359	Trương Diệu Đạt	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
167	19127360	Dương Thị Xuân Diệu	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
168	19127361	Nguyễn Thị Ngọc Diệu	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
169	19127362	Lê Xuân Đình	9,900,000	2,700,000	12,600,000	882,000	11,718,000	5,100,000	6,618,000
170	19127363	Lê Văn Đông	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
171	19127365	Phan Khải Đông	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
172	19127366	Long Mỹ Du	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
173	19127368	Hồ Ngọc Minh Đức	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
174	19127369	Lê Minh Đức	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
175	19127370	Nguyễn Bình Dương	9,900,000	3,600,000	13,500,000	945,000	12,555,000	5,100,000	7,455,000
176	19127371	Vũ Thái Dương	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
177	19127372	Đặng Nguyễn Duy	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
178	19127373	Hồ Văn Duy	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
179	19127375	Lê Vũ Anh Duy	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
180	19127376	Nguyễn Bảo Duy	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
181	19127377	Nguyễn Huỳnh Khánh Duy	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
182	19127378	Nguyễn Việt Thanh Duy	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
183	19127379	Phạm Đức Duy	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
184	19127380	Phan Tường Duy	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
185	19127381	Trần Đức Duy	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
186	19127383	Huỳnh Hoàng Giang	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
187	19127384	Nguyễn Trường Giang	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
188	19127385	Phạm Lê Hạ	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
189	19127387	Vũ Tuấn Hải	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
190	19127388	Bùi Nguyễn Nhật Hào	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
191	19127390	Nguyễn Đình Hào	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
192	19127391	Tô Vũ Thái Hào	9,900,000	3,600,000	13,500,000	945,000	12,555,000	5,100,000	7,455,000
193	19127392	Tô Gia Hào	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
194	19127394	Nguyễn Hữu Hiền	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
195	19127395	Phan Đức Hiền	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
196	19127396	Phan Thiên Vinh Hiền	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000

197	19127398	Vũ Quang Hiệp	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
198	19127399	Huỳnh Cao Nhật Hiếu	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
199	19127400	Lã Minh Hiếu	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
200	19127401	Lê Trung Hiếu	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
201	19127402	Nguyễn Mạnh Hiếu	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
202	19127403	Nguyễn Trung Hiếu	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
203	19127404	Phan Trung Hiếu	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
204	19127406	Ngô Huy Hoàng	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
205	19127407	Nguyễn Huy Hoàng	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
206	19127409	Phan Huy Hoàng	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
207	19127410	Vũ Quang Hợp	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
208	19127411	Hoàng Vĩnh Bảo Huân	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
209	19127412	Lê Tiến Hùng	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
210	19127413	Trần Khắc Hùng	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
211	19127414	Bùi Văn Hưng	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
212	19127415	Huỳnh Duy Hưng	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
213	19127416	Mạc Văn Hưng	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
214	19127417	Trần Hữu Hưng	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
215	19127418	Biển Vũ Đăng Huy	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
216	19127419	Hoàng Minh Huy	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
217	19127420	Huỳnh Bá Huy	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
218	19127421	Lê Vũ Huy	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
219	19127422	Nguyễn Đức Huy	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
220	19127423	Nguyễn Trần Phi Huy	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
221	19127424	Triệu Nguyễn Minh Huy	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
222	19127425	Võ Quang Huy	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
223	19127426	Vũ Đức Quang Huy	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
224	19127427	Lê Duy Kha	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
225	19127428	Nguyễn Minh Kha	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
226	19127429	Trần Tuấn Kha	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
227	19127431	Đặng Duy Khang	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
228	19127432	Dương Lê Xuân Khang	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
229	19127433	Hồng Kiên Khang	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
230	19127434	Huỳnh Nhật Khang	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
231	19127435	Nguyễn Trần Gia Khang	9,900,000	3,600,000	13,500,000	945,000	12,555,000	5,100,000	7,455,000
232	19127436	Tăng Tường Khang	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
233	19127437	Đinh Trọng Khánh	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
234	19127439	Nguyễn Lê Quốc Khánh	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
235	19127441	Trần Nam Khánh	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
236	19127442	Lê Thanh Khiêm	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
237	19127443	Hồ Đăng Khoa	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
238	19127444	Ngô Đăng Khoa	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
239	19127445	Nguyễn Ngọc Anh Khoa	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
240	19127447	Nguyễn Phan Anh Khoa	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
241	19127449	Phùng Anh Khoa	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
242	19127451	Lê Nguyễn Anh Khôi	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
243	19127452	Nguyễn Đăng Khôi	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
244	19127453	Phạm Minh Khôi	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
245	19127454	Văn Đình Khôi	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
246	19127455	Nguyễn Vũ Duy Khương	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
247	19127456	Nguyễn Thanh Kiên	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
248	19127457	Nguyễn Tuấn Kiệt	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
249	19127458	Nguyễn Văn Lâm	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
250	19127459	Đoàn Nguyễn Hương Lan	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
251	19127460	Nguyễn Nhật Linh	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
252	19127461	Trần Thị Thùy Linh	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
253	19127462	Vũ Xuân Lộc	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
254	19127463	Nguyễn Hoàng Long	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
255	19127465	Phan Văn Long	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
256	19127466	Đinh Hoa Lư	9,900,000	3,600,000	13,500,000	945,000	12,555,000	5,100,000	7,455,000
257	19127467	Nguyễn Thành Luân	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
258	19127468	Phan Đức Mạnh	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
259	19127469	Đoàn Nhật Minh	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
260	19127470	Lê Nhật Minh	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
261	19127471	Lương Kiêm Minh	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
262	19127472	Nguyễn Bá Minh	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
263	19127473	Nguyễn Tấn Minh	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
264	19127474	Phạm Cao Minh	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
265	19127478	Bùi Huỳnh Trung Nam	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000

266	19127479	Đinh Thành Nam	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
267	19127480	Nguyễn Ngọc Phương Nam	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
268	19127481	Trần Hoàng Nam	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
269	19127484	Ngô Trung Nghĩa	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
270	19127485	Lê Thành Ngọc	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
271	19127486	Nguyễn Lê Nguyên	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
272	19127487	Nguyễn Phan Khánh Nguyên	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
273	19127488	Phan Ngọc Nguyên	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
274	19127489	Hoàng Thiện Nhân	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
275	19127490	Lưu Danh Nhân	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
276	19127491	Nguyễn Trọng Nhân	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
277	19127493	Lê Ngọc Minh Nhật	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
278	19127494	Đỗ Minh Nhật	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
279	19127495	Lê Hoàng Nhật	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
280	19127496	Trương Quang Minh Nhật	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
281	19127497	Dương Thị Yên Nhi	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
282	19127498	Lê Yên Nhi	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
283	19127500	Nguyễn Thành Nhơn	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
284	19127501	Trần Phạm Minh Nhựt	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
285	19127502	Lâm Thịnh Phát	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
286	19127503	Ngô Quốc Phát	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
287	19127504	Nguyễn Xuân Phát	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
288	19127505	Triệu Nguyên Phát	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
289	19127506	La Trường Phi	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
290	19127507	Nguyễn Quang Phú	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
291	19127508	Trần Bảo Phú	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
292	19127509	Trương Thế Phú	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
293	19127510	Huỳnh Trọng Phúc	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
294	19127511	La Ngọc Hồng Phúc	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
295	19127512	Lâm Hoàng Phúc	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
296	19127513	Nguyễn Đình Hồng Phúc	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
297	19127514	Thái Trần Hồng Phúc	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
298	19127515	Võ Đình Phúc	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
299	19127516	Trần Xuân Phước	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
300	19127518	Lê Hoàng Thịnh Phước	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
301	19127519	Nguyễn Ngọc Phước	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
302	19127520	Nguyễn Trường Phước	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
303	19127521	Nguyễn Thị Như Phương	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
304	19127522	Lưu Đăng Quan	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
305	19127523	Đặng Nguyễn Minh Quân	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
306	19127525	Nguyễn Thanh Quân	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
307	19127526	Phạm Tiến Quân	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
308	19127528	Trần Thái Quân	9,900,000	3,600,000	13,500,000	945,000	12,555,000	5,100,000	7,455,000
309	19127530	Hoàng Đức Quang	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
310	19127531	Tăng Thanh Quang	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
311	19127532	Võ Văn Chánh Quang	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
312	19127533	Lê Hoàng Anh Quốc	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
313	19127534	Phạm Nguyễn Anh Quốc	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
314	19127535	Trần Kiên Quốc	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
315	19127536	Võ Lâm Hải Quốc	9,900,000	3,600,000	13,500,000	945,000	12,555,000	5,100,000	7,455,000
316	19127537	Quách Quang Quý	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
317	19127538	Nguyễn Lê Hữu Sang	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
318	19127539	Nguyễn Sơn	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
319	19127540	Nguyễn Hoàng Vinh Sơn	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
320	19127541	Nguyễn Thái Sơn	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
321	19127542	Trần Thanh Sơn	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
322	19127544	Nguyễn Hoàn Hoài Tâm	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
323	19127546	Trần Hoàng Thái	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
324	19127547	Nguyễn Cao Thắng	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
325	19127548	Đặng Công Thành	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
326	19127549	Tổng Tắt Thành	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
327	19127550	Trần Minh Thành	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
328	19127551	Huỳnh Thu Thảo	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
329	19127552	Nguyễn Thanh Thảo	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
330	19127553	Lê Trần Thanh Thiện	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
331	19127556	Nguyễn Thanh Thiện	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
332	19127557	Đặng Tú Thiệu	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
333	19127558	Bùi Phú Thịnh	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
334	19127559	Lương Trường Thịnh	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000

335	19127560	Nguyễn Đức Thịnh	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
336	19127561	Nguyễn Phú Thịnh	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
337	19127562	Chung Thê Thọ	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
338	19127563	Nguyễn Hoàng Thông	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
339	19127564	Nguyễn Hữu Thông	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
340	19127565	Nguyễn Quốc Thông	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
341	19127567	Võ Trần Quang Thông	9,900,000	3,600,000	13,500,000	945,000	12,555,000	5,100,000	7,455,000
342	19127568	Nguyễn Thị Minh Thu	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
343	19127569	Nguyễn Huy Anh Thư	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
344	19127571	Nguyễn Quang Thuận	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
345	19127572	Trần Hoàng Phương Thy	9,900,000	3,600,000	13,500,000	945,000	12,555,000	5,100,000	7,455,000
346	19127573	Trần Đình Tiên	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
347	19127575	Nguyễn Thái Tiến	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
348	19127576	Phạm Đoàn Tiến	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
349	19127577	Phạm Duy Tiến	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
350	19127579	Vũ Trần Việt Tiên	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
351	19127580	Nguyễn Mác Tin	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
352	19127582	Nguyễn Trung Tín	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
353	19127583	Nguyễn Trọng Tinh	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
354	19127584	Mạch Cảnh Toàn	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
355	19127585	Phạm Quốc Toàn	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
356	19127586	Phan Minh Toàn	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
357	19127587	Trương Chí Toàn	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
358	19127588	Nguyễn Bảo Trâm	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
359	19127590	Trương Ngọc Minh Trâm	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
360	19127592	Lê Minh Trí	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
361	19127593	Lê Tiên Trí	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
362	19127594	Nguyễn Đăng Trí	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
363	19127595	Nguyễn Minh Trí	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
364	19127596	Trần Hữu Trí	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
365	19127597	Trần Khả Trí	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
366	19127599	Nguyễn Văn Minh Triết	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
367	19127600	Lê Quốc Trọng	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
368	19127601	Trần Hữu Trọng	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
369	19127603	Đỗ Tiên Trung	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
370	19127604	Lê Quốc Trung	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
371	19127605	Nguyễn Hoàng Trung	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
372	19127607	Trần Nguyên Trung	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
373	19127608	Nguyễn Quang Trường	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
374	19127609	Đinh Quang Tú	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
375	19127610	Nguyễn Trần Ngọc Tú	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
376	19127611	Phạm Minh Tú	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
377	19127612	Trần Anh Tú	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
378	19127613	Phan Đình Tuấn	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
379	19127614	Nguyễn Anh Tuấn	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
380	19127615	Nguyễn Anh Tuấn	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
381	19127616	Phùng Quốc Tuấn	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
382	19127618	Nguyễn Thanh Tùng	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
383	19127619	Nguyễn Huỳnh Khang Tường	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
384	19127620	Nguyễn Văn Vũ Tường	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
385	19127622	Ngô Trường Tuyển	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
386	19127624	Đỗ Đình Văn	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
387	19127625	Lâm Chí Văn	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
388	19127626	Lê Nguyễn Tú Văn	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
389	19127628	Nguyễn Mậu Việt	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
390	19127629	Nguyễn Tân Việt	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
391	19127630	Trần Quốc Việt	9,900,000	3,600,000	13,500,000	945,000	12,555,000	5,100,000	7,455,000
392	19127631	Dương Tiến Vinh	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
393	19127632	Nguyễn Hoàng Vũ	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
394	19127633	Nguyễn Phan Vũ	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
395	19127634	Nguyễn Thanh Vũ	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
396	19127635	Hồ Nguyễn Lê Vy	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
397	19127636	Phạm Nguyễn Tường Vy	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
398	19127637	Nguyễn Khắc Vy	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
399	19127638	Trương Bửu Ý	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
400	19127639	Phan Vĩ Giai	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
401	19127640	Hoàng Hữu Giáp	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
402	19127641	Trần Trung Hiếu	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
403	19127642	Võ Nhật Huy	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000

404	19127643	Nguyễn Mai Xuân Huyền	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
405	19127644	Chung Kim Khánh	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
406	19127645	Bùi Đăng Khoa	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
407	19127646	Nguyễn Văn Tân Phong	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
408	19127648	Tăng Gia Quyền	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
409	19127649	Tô Thanh Tuấn	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
410	19127650	Trần Quốc Tuấn	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000
411	19127651	Trần Anh Túc	9,900,000	-	9,900,000	693,000	9,207,000	5,100,000	4,107,000

Ngày tháng năm 2020

Người lập bảng

Bùi Thị Kim Ngân